

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên
Ông Dương Quang Đông	Thành viên
Bà Vương Bảo Yến	Thành viên
Bà Trần Thúy Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên	Miễn nhiệm từ 27/06/2022
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm từ 27/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Phạm Huy Thành.

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Tuyết bổ nhiệm ngày 10/01/2023.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi CN Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Huy Thành

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023



Số: 265/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 17 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 46 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 18/03/2022.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI – CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Trần Hồng Giang

Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN kiểm toán số: 3893-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.114.935.843.432	594.476.758.557
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	72.058.306.886	137.343.975.299
Tiền	111		72.058.306.886	137.343.975.299
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	106.100.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		106.100.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		605.077.630.537	262.449.335.276
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	397.913.147.216	144.816.690.043
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	192.484.861.635	111.723.772.287
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	2.970.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	13.689.403.258	5.970.156.446
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.979.781.572)	(61.283.500)
Hàng tồn kho	140	10	330.536.190.673	191.936.313.594
Hàng tồn kho	141		330.536.190.673	191.936.313.594
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.163.715.336	2.747.134.388
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.499.884	25.269.379
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.159.215.452	2.721.865.009
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		340.453.371.855	309.526.611.480
Tài sản cố định	220		47.727.075.330	57.837.890.079
Tài sản cố định hữu hình	221	14	47.539.516.878	57.837.890.079
- Nguyên giá	222		86.476.889.366	86.024.860.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.937.372.488)	(28.186.970.312)
Tài sản cố định vô hình	227	13	187.558.452	-
- Nguyên giá	228		200.340.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.781.548)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.061.587.972	7.352.691.213
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	8.061.587.972	7.352.691.213
Đầu tư tài chính dài hạn	250		275.864.942.201	231.023.191.976
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	275.864.942.201	202.623.191.976
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	28.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.799.766.352	13.312.838.212
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.799.766.352	13.312.838.212
TỔNG TÀI SẢN	270		1.455.389.215.287	904.003.370.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		136.766.716.164	87.845.076.692
Nợ ngắn hạn	310		135.797.341.164	86.204.568.384
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	29.724.464.940	23.181.147.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.953.521.170	3.634.346.290
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	23.233.203.853	18.550.942.465
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	284.753.426	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.019.923.791	12.593.902.391
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	55.171.133.308	27.654.100.008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.410.340.676	590.129.480
Nợ dài hạn	330		969.375.000	1.640.508.308
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	969.375.000	1.640.508.308
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.318.622.499.123	816.158.293.345
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.318.622.499.123	816.158.293.345
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.202.185.400.000	723.552.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.202.185.400.000	723.552.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(238.202.140)	(105.794.733)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.410.853.447	2.950.219.860
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.356.752.375	89.761.088.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.847.623.435	7.116.776.676
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		101.509.128.940	82.644.311.542
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.907.695.441	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.455.389.215.287	904.003.370.037

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Chủ tịch HĐQT



Phạm Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.218.963.708.617	883.491.095.448
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.218.963.708.617	883.491.095.448
Giá vốn hàng bán	11	22	1.091.653.033.282	782.651.995.978
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.310.675.335	100.839.099.470
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	12.316.515.045	9.164.687.887
Chi phí tài chính	22	24	1.903.387.152	783.785.982
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.903.387.152	783.785.982
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		159.235.289	-
Chi phí bán hàng	25	25	679.347.627	1.028.975.846
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.413.914.897	5.400.856.052
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		125.789.775.993	102.790.169.477
Thu nhập khác	31		-	3
Chi phí khác	32		135.743.014	80.060.772
Lợi nhuận khác	40		(135.743.014)	(80.060.769)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.654.032.979	102.710.108.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	25.226.153.855	20.688.989.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.427.879.124	82.021.119.566
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		100.426.614.004	82.021.119.566
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.265.120	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.019	1.122
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.019	1.122

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Chủ tịch HĐQT



Phạm Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		125.654.032.979	102.710.108.708
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.763.183.724	9.167.893.063
Các khoản dự phòng	03		1.918.498.072	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(12.475.750.334)	(9.164.687.887)
Chi phí lãi vay	06		1.903.387.152	783.785.982
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.763.351.593	103.497.099.866
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(336.022.930.749)	126.325.527.310
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(138.599.877.079)	(99.104.055.402)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.475.563.470	10.127.466.289
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.533.841.355	(13.281.731.452)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.798.633.726)	(783.785.982)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.550.942.467)	(9.385.882.061)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(348.199.627.603)	117.388.638.568
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.361.265.734)	(24.221.773.879)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(168.867.479.453)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.797.479.453	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.000.000.000)	(37.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18.760.000.000	45.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.965.302.018	164.687.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(145.705.963.716)	(16.457.085.992)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		401.774.022.914	-
Tiền thu từ đi vay	33		91.613.800.000	42.030.300.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.767.900.008)	(26.058.525.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		428.619.922.906	15.971.774.992
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(65.285.668.413)	116.903.327.568
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	137.343.975.299	20.440.647.731
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	72.058.306.886	137.343.975.299

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết



Chủ tịch HĐQT

Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102382580 ngày 23/02/2009, đã đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 17/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại: Số 9 Ngách 61/4 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy của Công ty đặt tại: Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 1.202.185.400.000 đồng chia thành 120.218.540 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

Ngày 28 tháng 3 năm 2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 690/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 8.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 28 tháng 3 năm 2017, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã ban hành Quyết định số 10/GCN-UBCK về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 12.800.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 06 tháng 09 năm 2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần đầu tư Phát triển xây dựng và thương mại Việt Nam niêm yết bổ sung 1.040.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 732/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần đầu tư Phát triển xây dựng và thương mại Việt Nam niêm yết bổ sung 20.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 04 tháng 05 năm 2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 1.255.200 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 25.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 24 tháng 09 năm 2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2974/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.154.565 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 3419/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.105.513 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 06 tháng 07 năm 2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2250/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 40.000.000 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 3276/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 7.863.262 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 28 người (tại ngày 31/12/2021 là 22 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng, đèn trang trí, sản xuất đồ điện gia dụng;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong nhà;
- Kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định).
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thế điện 35kw.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản;

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con và Công ty liên kết như sau:

Danh sách các Công ty con; Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty TNHH Đầu tư MBG – Confitech	80,00%	80,00%	Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về bất động sản
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty Cổ phần Vcado Global	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty Cổ phần Zone Việt	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	48,00%	48,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các Công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có các điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các Công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyên, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được Công ty thực hiện theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, chi phí giao tế, chi phí bán hàng trích trước, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu tài chính.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	905.636.472	3.581.403.973
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.152.670.414	133.762.571.326
Cộng	72.058.306.886	137.343.975.299

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN
- 5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn		106.100.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	106.100.000.000	106.100.000.000	-	-
Dài hạn				
-	-	-	-	-
Cộng	106.100.000.000	106.100.000.000	-	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

- 5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	275.864.942.201	-	202.623.191.976	-
- Công ty Cổ phần Vcado Global (1)	48.123.483.877	-	48.119.030.252	-
- Công ty Cổ phần MBG Lạc sơn Phú Yên (2)	48.215.677.813	-	24.184.771.117	-
- Công ty Cổ phần Zone Việt (3)	40.128.004.171	-	40.096.640.760	-
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung (4)	50.288.561.423	-	50.185.610.048	-
- Công ty Cổ phần Green Island (5)	40.054.928.343	-	40.037.139.799	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên (6)	49.054.286.574	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	28.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên (6)	-	-	15.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Golf quốc tế Quang Tiến (7)	-	-	13.400.000.000	-
Cộng	275.864.942.201	-	231.023.191.976	-

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2022. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Số SH2A - SP.2A-35, Đường San Hô 2A, KĐT Vinhomes Oceanpark, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Cụm Đồi Vàng, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Lô D12, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	Xóm mới, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	48,00%	48,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

(1) Công ty Cổ phần Vcado Global

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Vcado Global) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ.

- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global là 120.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hiện tại Công ty Cổ phần Vcado Global đã hoàn thành đầu tư cơ sở vật chất cho sản giao dịch Bất động sản. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử, kinh doanh bất động sản.

(2) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000 đồng, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 0812/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2022 về việc mua thêm 2.400.000 cổ phần tương ứng số tiền 24.000.000.000 đồng. Tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 48% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên.

- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư số 1414/QĐ-UBND tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh" với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.

- Đến thời điểm hiện tại Công ty đang thực hiện đền bù đất cho dự án và đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng 90% đất thực hiện dự án. Ngoài ra Công ty đang trình phê duyệt nhiệm vụ 1/500 và các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư khác.

(3) Công ty Cổ phần Zone Việt

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần MBG Hòa Bình (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Zone Việt) số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.

- Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, Kinh doanh Thương mại Dịch vụ và đang trong giai đoạn nghiên cứu thực hiện dự án tại Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(4) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.

- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bê mặt số 1” theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đã hoàn hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng...

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 121101/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/11/2019 về việc chào bán phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng.

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 đồng góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.

- Theo Quyết định số 90/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 08 năm 2021 UBND Tỉnh Phú Yên, BQL Tỉnh Phú Yên về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án: “Nhà máy lắp ráp thiết bị điện” đã được Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên chấp thuận tại Quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 V/v điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bê mặt số 1” của công ty với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư: “Lắp ráp thiết bị chiếu sáng led, lắp ráp tấm pin mặt trời; lắp ráp pin tĩnh điện năng lượng mặt trời”.

- Hiện tại Công ty đã triển khai khởi công xây dựng nhà máy và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư nhà máy.

(5) Công ty Cổ phần Green Island

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án: “Biệt thự nghỉ dưỡng và Du lịch sinh thái Green Island” tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. Với tổng mức đầu tư 824.539.000.000 đồng. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Liêm cam kết cấp tín dụng số GI21BE9743 để thực hiện dự án số tiền là 659.631.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0611/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 06/11/2020 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Green Island, số tiền góp vốn là 16.000.000.000 đồng tương đương 20% vốn điều lệ.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 1203/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/03/2021 về việc tăng góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Green Island. Vốn đã góp tại Công ty Cổ phần Green Island 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng) tăng lên: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Green Island.
- Hiện tại, dự án “Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island” đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(6) Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên được chấp thuận đầu tư: “Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp” theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 2610/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 26/10/2022 về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên; số cổ phần nhận chuyển nhượng là 3.300.000 cổ phần với giá trị 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với 33.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG sở hữu 4.800.000 cổ phần tương ứng với số tiền góp vốn là 48.000.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2610/HĐCNCP ký ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Pjaca Group với Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG; số lượng cổ phần chuyển nhượng là 3.300.000 cổ phần với giá trị 10.000 đồng/ cổ phần tương ứng với 33.000.000.000 đồng.
- Hiện nay, Công ty đã khởi công dự án xây dựng và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư: “Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp”.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***(7) Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (Đã Thoái vốn)**

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0601/2021/QĐ-HDQT ngày 06 tháng 01 năm 2021; Giá trị vốn góp 13.400.000.000 đồng chiếm 5% vốn điều lệ của công ty; Người đại diện pháp luật của Công ty là ông Phạm Mạnh Cường;
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến vẫn đang trong giai đoạn xin cấp phép triển khai dự án. Ngày 03/03/2021 Công ty nhân được quyết định số 455/QĐ- UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến và Quyết định số 457/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 2001/2022/QĐ-HDQT của Công ty ngày 20/01/2022 về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến. Ngày 21/01/2022 Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến. Công ty Cổ phần tập đoàn MBG và Công ty cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến không còn là bên liên quan.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	397.913.147.216	1.979.781.572	144.816.690.043	61.283.500
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	77.120.133.020	-	9.843.143.200	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	76.898.548.966	-	22.647.634.270	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	68.573.421.429	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV	32.883.224.220	-	-	-
- Công ty Cổ phần Meppro	24.421.501.589	-	28.890.032.684	-
- Công ty Cổ phần Kosy	21.699.470.005	-	9.247.277.998	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Đô thị Vinahud	16.967.237.650	-	-	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	10.137.581.600	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Tư vấn CH	7.856.827.540	-	23.256.204.196	-
- Công ty TNHH Ánh sáng Tiến Dư	-	-	14.344.459.440	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	61.355.201.197	1.979.781.572	36.587.938.255	61.283.500
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	397.913.147.216	1.979.781.572	144.816.690.043	61.283.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	192.484.861.635	111.723.772.287
- Công ty TNHH Vân Phong Holding	76.809.684.796	-
- Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu	68.143.711.282	62.866.292.730
- Công ty TNHH Videco Hà Thành	-	45.733.797.734
- Các khoản khác	47.531.465.557	3.123.681.823
Cộng	192.484.861.635	111.723.772.287

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.970.000.000	-	-	-
- Lê Thị Xuân Thu (*)	2.970.000.000	-	-	-
Cộng	2.970.000.000	-	-	-

(*) : Các khoản cho vay với thời hạn 06 tháng với lãi suất 8,25% được sử dụng vào nhu cầu tiêu dùng hợp pháp của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.689.403.258	-	5.970.156.446	-
- Tạm ứng công nhân viên	9.697.750.000	-	5.970.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	3.991.213.027	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	440.231	-	156.446	-
Cộng	13.689.403.258	-	5.970.156.446	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.625.245.627	-	104.541.734.553	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	168.276.410.298	-	-	-
Thành phẩm	38.289.730.655	-	22.945.188.464	-
Hàng hóa	98.344.804.093	-	64.449.390.577	-
Cộng	330.536.190.673	-	191.936.313.594	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm là chi phí mua của các sản phẩm liên kết, shophouse, biệt thự đơn lập, song lập tại dự án The Empire Vinhomes OceanParks2 và các dự án xây lắp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	4.499.884	25.269.379
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.499.884	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	25.269.379
Dài hạn	8.799.766.352	13.312.838.212
- Chi phí sửa chữa văn phòng, giao dịch	8.612.724.496	13.256.106.393
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	187.041.856	56.731.819
Cộng	8.804.266.236	13.338.107.591

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	8.061.587.972	7.352.691.213
Dài hạn	-	-
Cộng	8.061.587.972	7.352.691.213

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2022	-	-
- Mua trong năm	200.340.000	200.340.000
Tại 31/12/2022	200.340.000	200.340.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2022	-	-
- Khấu hao trong năm	(12.781.548)	(12.781.548)
Tại 31/12/2022	(12.781.548)	(12.781.548)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	-	-
Tại 31/12/2022	187.558.452	187.558.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2022	21.578.921.664	57.903.970.000	6.506.968.727	35.000.000	86.024.860.391
- Mua trong năm	-	-	452.028.975	-	452.028.975
Tại 31/12/2022	<u>21.578.921.664</u>	<u>57.903.970.000</u>	<u>6.958.997.702</u>	<u>35.000.000</u>	<u>86.476.889.366</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2022	(9.932.938.352)	(16.532.355.673)	(1.686.676.287)	(35.000.000)	(28.186.970.312)
- Khấu hao trong năm	(2.188.386.636)	(7.670.389.373)	(891.626.167)	-	(10.750.402.176)
Tại 31/12/2022	<u>(12.121.324.988)</u>	<u>(24.202.745.046)</u>	<u>(2.578.302.454)</u>	<u>(35.000.000)</u>	<u>(38.937.372.488)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	<u>11.645.983.312</u>	<u>41.371.614.327</u>	<u>4.820.292.440</u>	<u>-</u>	<u>57.837.890.079</u>
Tại 31/12/2022	<u>9.457.596.676</u>	<u>33.701.224.954</u>	<u>4.380.695.248</u>	<u>-</u>	<u>47.539.516.878</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 3.948.337.904 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.208.241.454 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	29.724.464.940	29.724.464.940	23.181.147.750	23.181.147.750
- Công ty Cổ phần Bất động sản AZ	16.956.314.960	16.956.314.960	-	-
- Công ty TNHH Videco Hà Thành	11.043.687.980	11.043.687.980	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á	-	-	16.866.128.500	16.866.128.500
- Các đối tượng khác	1.724.462.000	1.724.462.000	6.315.019.250	6.315.019.250
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	29.724.464.940	29.724.464.940	23.181.147.750	23.181.147.750

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp/cán trừ trong năm VND		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	18.550.942.465	18.550.942.465	25.226.153.855	20.550.942.467	23.226.153.853	7.050.000	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	19.529.231	12.479.231	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	135.743.014	135.743.014	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	18.550.942.465	18.550.942.465	25.386.926.100	20.704.664.712	23.233.203.853	7.050.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	55.171.133.308	55.171.133.308	92.284.933.308	64.767.900.008	27.654.100.008	27.654.100.008
Vay ngắn hạn	54.500.000.000	54.500.000.000	91.613.800.000	64.055.600.000	26.941.800.000	26.941.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	35.000.000.000	35.000.000.000	43.451.800.000	16.903.600.000	8.451.800.000	8.451.800.000
- CN Điện Biên Phủ (1)	-	-	28.662.000.000	47.152.000.000	18.490.000.000	18.490.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (2)	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	19.500.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000	-	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	671.133.308	671.133.308	671.133.308	712.300.008	712.300.008	712.300.008
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (4)	205.833.308	205.833.308	205.833.308	247.000.008	247.000.008	247.000.008
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	465.300.000	465.300.000	465.300.000	465.300.000	465.300.000	465.300.000
- CN Điện Biên Phủ (5)	969.375.000	969.375.000	-	671.133.308	1.640.508.308	1.640.508.308
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	205.833.308	205.833.308	205.833.308
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (4)	-	-	-	205.833.308	205.833.308	205.833.308
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	969.375.000	969.375.000	-	465.300.000	1.434.675.000	1.434.675.000
- CN Điện Biên Phủ (5)	-	-	-	-	-	-
Cộng	56.140.508.308	56.140.508.308	92.284.933.308	65.439.033.316	29.294.608.316	29.294.608.316

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 84255.22.051.1970764 ngày 10/10/2022 với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là: 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 15.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ thời điểm giao kết hợp đồng đến ngày 19/08/2023. Lãi suất: Theo từng lần giải ngân. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện thường xuyên của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản đảm bảo:

- Động sản: Hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng và Quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng kinh tế.
- Bất động sản: Bất động sản theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 980682, do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011 và các tài sản hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ giữa CN tại Hưng Yên – Công ty CP Vinhomes và Công ty CP Tập đoàn MBG.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1612021/HĐTĐ ngày 23/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam Chi nhánh Sờ Giao dịch (MSB) và Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG. Số tiền vay 16.200.000.000 đồng; Thời hạn vay 03 tháng. Lãi suất 6,4% năm; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số KH3-220245/CVHM.MBG ngày 17/08/2022 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sờ giao dịch. Giới hạn cấp tín dụng ngắn hạn là: 90.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 18/08/2023; Lãi suất: Theo từng lần giải ngân; Mục đích: Tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài trợ cho các nhu cầu bảo lãnh trung hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu trung dài hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế mua bán bất động sản tại dự án Vinhomes Ocean Park 2 và Hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen.
- Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 20.583.334 VND.
- (5) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ. Hạn mức vay: 2.326.500.000 VND. Thời gian vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty CP Liên Á Quốc tế và Công ty Cổ phần tập đoàn MBG.
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô; số khung: WAUZZZ4MXLD015453; số máy: DCB210618; biển kiểm soát 30G-859.54 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp.
- Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa: 55%.
- Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 38.775.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	284.753.426	-
- Lãi vay	104.753.426	-
- Chi phí khác	180.000.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	284.753.426	-

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	13.019.923.791	12.593.902.391
- Kinh phí công đoàn	30.846.943	19.557.343
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.989.076.848	12.574.345.048
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity (*)	12.574.345.048	12.574.345.048
+ Công ty Cổ phần Constrexim số 1 (**)	414.731.800	-
Dài hạn	-	-
Cộng	13.019.923.791	12.593.902.391

(*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 280703/2020/QĐ – HĐQT ngày 28/07/2020 về việc ký hợp đồng liên danh Dự án: Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến và Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG với Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity.

- Hợp đồng liên danh số 2807/HĐLD ký ngày 28 tháng 7 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity:

+ Dự án: Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến và Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến.

+ Diện tích: 2.490.900 m²

+ Mục đích liên danh: Phối hợp triển khai thực hiện các thủ tục để nhận được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án khu dịch vụ thể thao Quang Tiến và Dự án khu sân Golf quốc tế Quang Tiến và được làm chủ Dự án Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến và phân chia lợi nhuận thu được từ Dự án.

+ Tỷ lệ phân chia lợi nhuận: Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity 47% và Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG 53%

(**) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 42A/NQ – CTX1 ngày 14/12/2021 về việc chấp thuận góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Constrexim để liên danh thực hiện dự án đầu tư xây dựng Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 69/2022/HĐ-HTĐT ngày 22 tháng 02 năm 2022 với Công ty Cổ phần Constrexim số 1:

+ Mục đích: Hợp tác thực hiện toàn bộ Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng; xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của Dự án; xây dựng hoàn chỉnh các sản phẩm của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bán, kinh doanh các sản phẩm của chủ đầu tư được hưởng từ Dự án; bán hoặc thuê quản lý vận hành sau đầu tư và các công việc khác liên quan đến Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- + Quy mô Dự án: Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đồn Sơn gồm các công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự, khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng, công trình công cộng, công trình giáo dục, công trình du lịch trải nghiệm; cầu xanh cảnh quan, mặt nước, bãi đỗ xe và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khác được đầu tư xây dựng đồng bộ trên tổng diện tích đất và hồ thủy lợi khoảng 45,22 ha.
- + Thời hạn hợp tác: bằng thời hạn đầu tư Dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận tại Quyết định chủ trương đầu tư.
- + Tổng vốn đầu tư dự án: 944.668.947.000 đồng
- + Tỷ lệ góp vốn: Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG góp 80%; với Công ty Cổ phần Constrexim số 1 góp 20%.
- + Phân chia lợi nhuận: tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2021	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076	-	-	-	-	-	-	733.801.291.154
- Tăng vốn trong năm trước	42.600.780.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42.600.780.000
- Lãi trong năm	-	-	-	82.021.119.566	-	-	82.021.119.566	-	-	-	82.021.119.566
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	623.191.976	-	-	623.191.976	-	-	-	623.191.976
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(43.750.017.400)	-	-	(43.750.017.400)	-	-	-	(42.888.089.351)
+ <i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	(287.309.351)	-	-	(287.309.351)	-	-	-	(287.309.351)
+ <i>Trích quỹ ĐTPT</i>	-	-	861.928.049	(861.928.049)	-	-	(861.928.049)	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	(42.600.780.000)	-	-	(42.600.780.000)	-	-	-	(42.600.780.000)
Tại 31/12/2021	723.552.780.000	(105.794.733)	2.950.219.860	89.761.088.218	-	-	816.158.293.345	-	-	-	816.158.293.345
Tại 01/01/2022	723.552.780.000	(105.794.733)	2.950.219.860	89.761.088.218	-	-	816.158.293.345	-	-	-	816.158.293.345
- Tăng vốn trong năm (*)	400.000.000.000	(132.407.407)	-	-	-	-	1.906.430.321	-	-	-	401.774.022.914
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	78.632.620.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.632.620.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	100.426.614.004	1.265.120	-	-	100.427.879.124
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	1.082.514.936	-	-	1.082.514.936	-	-	-	1.082.514.936
- Phân phối lợi nhuận năm 2021 (**)	-	-	-	(81.913.464.783)	-	-	(81.913.464.783)	-	-	-	(79.452.831.196)
+ <i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	(820.211.196)	-	-	(820.211.196)	-	-	-	(820.211.196)
+ <i>Trích quỹ ĐTPT</i>	-	-	2.460.633.587	(2.460.633.587)	-	-	(2.460.633.587)	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	(78.632.620.000)	-	-	(78.632.620.000)	-	-	-	(78.632.620.000)
Tại 31/12/2022	1.202.185.400.000	(238.202.140)	5.410.853.447	109.356.752.375	-	-	1.907.695.441	1.907.695.441	-	-	1.318.622.499.123

(*): Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/12/2021/NQ-HĐQT ngày 06/12/2021; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1901/2022/NQ-HĐQT ngày 19/01/2022 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021;

Tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành riêng lẻ 40.000.000 cổ phiếu năm 2022. Chi tiết tại Phụ lục I

(**): Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 2706/NQ-DHĐCĐ ngày 27/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	723.552.780.000	680.952.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	478.632.620.000	42.600.780.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.202.185.400.000	723.552.780.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.632.620.000	42.600.780.000

20.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.218.540	72.355.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.218.540	72.355.278
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.218.540	72.355.278
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	72.355.278
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20.3 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.410.853.447	2.950.219.860

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu	1.218.963.708.617	883.491.095.448
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.057.584.049.967	562.747.047.150
- Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp	161.379.658.650	320.744.048.298
Cộng	1.218.963.708.617	883.491.095.448

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	963.832.954.902	503.873.423.769
- Giá vốn xây lắp	127.820.078.380	278.778.572.209
Cộng	1.091.653.033.282	782.651.995.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.956.515.045	164.687.887
- Lãi bán các khoản đầu tư	5.360.000.000	9.000.000.000
Cộng	12.316.515.045	9.164.687.887

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.903.387.152	783.785.982
Cộng	1.903.387.152	783.785.982

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.413.914.897	5.400.856.052
- Chi phí nhân viên quản lý	1.728.079.861	1.669.273.930
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.773.928.791	380.284.160
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.257.680.754	2.027.106.823
- Chi phí dự phòng	1.918.498.072	-
- Thuế, phí và lệ phí	29.800.000	31.966.666
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.864.741	992.128.069
- Chi phí bằng tiền khác	650.062.678	300.096.404
b. Các khoản chi phí bán hàng	679.347.627	1.028.975.846
- Chi phí nhân viên	649.347.627	1.028.975.846
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	30.000.000	-
Cộng	12.093.262.524	6.429.831.898

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	464.821.474.985	92.983.228.592
Chi phí nhân công	5.803.178.818	11.143.969.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.743.512.093	9.167.893.063
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.918.498.072	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.192.856.885	243.252.059.468
Chi phí khác bằng tiền	1.115.474.599	496.663.074
Cộng	490.594.995.452	357.043.813.253

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.226.153.855	20.688.989.142
Cộng	25.226.153.855	20.688.989.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

28.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	100.426.614.005	82.021.119.566
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	820.211.196
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	98.534.267	72.355.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.019	1.122

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2706/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2022.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 là 1.122 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 trước điều chỉnh là 1.134 VND/CP)

28.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 78.632.620.000 đồng.

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Vcado Global
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên
- Công ty Cổ phần Zone Việt
- Công ty Cổ phần PjacaPhú Yên
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung
- Công ty Cổ phần Green Island

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến
- Ông Phạm Huy Thành

Mối quan hệ

- Công ty liên kết
- Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết/ Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ Ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
- Công ty liên kết
- Mối quan hệ**
- Người đại diện pháp luật là Ông Phạm Mạnh Cường – Anh trai Ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật MBG
- Chủ tịch HĐQT – Người đại diện pháp luật Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Đặng Thị Tiệp | Mẹ vợ Ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty |
| - Bà Đặng Thị Tuyết Lan | Vợ Ông Phạm Huy Thành – Thành viên HĐQT đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty |
| - Ông Phạm Mạnh Cường | Anh trai Ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty |

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Số dư	31/12/2022	01/01/2022
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Người mua trả tiền trước	-	1.728.668.400
	Phải thu khách hàng	10.137.581.600	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Phải thu khách hàng	6.560.005.185	-
- Ông Phạm Mạnh Cường	Tạm ứng	9.697.750.000	-

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022 (VND)
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Bán hàng hóa, dịch vụ	10.787.500.000
	Chuyển tiền góp vốn	33.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.963.641.077
	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	9.900.000.000
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Góp vốn	24.000.000.000
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Thoái vốn	13.400.000.000
- Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Tạm ứng	63.050.000.000
	Hoàn ứng	63.050.000.000
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng	240.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	Thuê văn phòng	96.000.000
- Ông Phạm Mạnh Cường	Tạm ứng	9.697.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	144.000.000	308.295.385
Phạm Huy Thành	48.000.000	212.295.385
Đặng Thị Tuyết Lan	24.000.000	24.000.000
Vương Bảo Yên	24.000.000	24.000.000
Trần Thúy Loan	24.000.000	24.000.000
Dương Quang Đông	24.000.000	24.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Phạm Tuyết Nhung	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Mai	6.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh	6.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	401.129.815	351.849.539
Phạm Đình Trung	-	125.258.769
Phạm Huy Thành	170.170.118	-
Đặng Thị Tuyết Lan	129.069.406	122.295.385
Dương Quang Đông	101.890.291	104.295.385
Cộng	593.129.815	708.144.924

30.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, dịch vụ xây lắp.....

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Xây lắp	Tổng bộ phận đã báo cáo
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.057.584.049.967	161.379.658.650	1.218.963.708.617
Chi phí phân bổ	948.585.845.100	144.747.322.813	1.093.333.167.913
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	108.998.204.867	16.632.335.837	125.630.540.704
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	868.794.260.688	132.571.705.512	1.001.365.966.200
Tài sản không phân bổ			454.023.249.087
Tổng tài sản			1.455.389.215.287
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận	117.436.427.979	-	135.356.375.487
Nợ phải trả không phân bổ			1.410.340.676
Tổng nợ phải trả			136.766.716.163

30.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt – Tại Hà Nội.

Trong năm 2022, Công ty tiến hành điều chỉnh hồi tố khoản Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết do đánh giá lại khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	31/12/2021
			Số điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)
Tài sản			623.191.976
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	202.623.191.976	202.000.000.000	623.191.976
Nguồn vốn			623.191.976
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.761.088.218	89.137.896.242	623.191.976

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết



Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2022

- Theo nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 1005/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn; Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu với các nhà đầu tư chiến lược và đã hoàn thành việc chào bán thành công.

- Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 400.000.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành như sau: Thanh toán cho các nhà thầu phụ thực hiện các dự án sau: “Nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên”, “Khu vui chơi giải trí Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh”, “Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện” và thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng.

- Phương án sử dụng vốn sau phát hành đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1005/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2021; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0612/2021/NQ-HĐQT ngày 06/12/2021; Nghị quyết HĐQT số 1901/2022/NQ-HĐQT ngày 19/01/2022.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị nói trên, tổng số vốn thu được sau phát hành cổ phiếu (chưa trừ chi phí phát hành) được sử dụng cho các mục đích sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

STT	Nội dung thanh toán	Kế hoạch	Thực hiện		Chênh lệch	Ghi chú
			Giá trị tạm ứng theo hợp đồng	Giá trị đã hoàn thành theo hóa đơn, chứng từ		
1	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên	40.000.000.000	40.000.000.000	11.052.343.526	28.947.656.474	Chưa hoàn thành do dự án đang thi công
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Khu vui chơi giải trí Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	20.000.000.000	20.000.000.000	28.590.000.000	(8.590.000.000)	Đã hoàn thành
3	Thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng	50.000.000.000	50.000.000.000	56.255.637.438	(6.255.637.438)	Đã hoàn thành
4	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	90.000.000.000	90.000.000.000	13.190.315.204	76.809.684.796	Chưa hoàn thành do dự án đang thi công
5	Thanh toán tiền mua vật tư hàng hóa thép không gỉ, thép mạ màu các loại	200.000.000.000	200.000.000.000	225.478.192.864	(25.478.192.864)	Đã hoàn thành
	Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000	334.566.489.032	65.433.510.968	

Phần chênh lệch giữa giá trị thực hiện và tổng số tiền thu được từ đợt phát hành được công ty bù đắp bằng các nguồn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuyết minh chi tiết tình hình sử dụng vốn như sau:

- 1. Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên theo hợp đồng số 01101/2021/HDKT/VIDECO-MBG ngày 01 tháng 10 năm 2021 và hợp đồng số: 0112/2021/HDKT/VIDECO-MBG ngày 01 tháng 12 năm 2021.**
 - + Theo kế hoạch : 40.000.000.000 VND
 - + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp : 40.000.000.000 VND
 - + Thực tế sử dụng : 11.052.343.526 VND
 - (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 11.052.343.526 VND)
- 2. Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Khu vui chơi giải trí Công ty Quốc Bảo Vạn Ninh theo hợp đồng số: 170101/2021/KKTH-MBG ngày 01 tháng 06 năm 2021.**
 - + Theo kế hoạch : 20.000.000.000 VND
 - + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp : 20.000.000.000 VND
 - + Thực tế sử dụng : 28.590.000.000 VND
 - (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 20.000.000.000 VND, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 8.590.000.000 VND)
- 3. Thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng theo hợp đồng số: 120501/2022/HĐKT/VPTC-MBG ngày 12 tháng 05 năm 2022.**
 - + Theo kế hoạch : 50.000.000.000 VND
 - + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp : 50.000.000.000 VND
 - + Thực tế sử dụng : 56.255.637.438 VND
 - (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 6.255.637.438 VND, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 8.590.000.000 VND)
- 4. Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện theo hợp đồng số: 01122/2020/HĐTTXD/MBG-VANPHONG ngày 01 tháng 12 năm 2021 và hợp đồng số: 01121/2021/HĐTTXD/ HOLDING-MBG ngày 01 tháng 12 năm 2021.**
 - + Theo kế hoạch : 90.000.000.000 VND
 - + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp : 90.000.000.000 VND
 - + Thực tế sử dụng : 13.190.315.204 VND
 - (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 13.190.315.204 VND)
- 5. Thanh toán tiền mua vật tư hàng hóa thép không gỉ, thép mạ màu các loại theo hợp đồng số: 120502/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 02 tháng 05 năm 2022; hợp đồng số 120503/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 03 tháng 05 năm 2022 và hợp đồng số 120504/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 04 tháng 05 năm 2022**
 - + Theo kế hoạch : 200.000.000.000 VND
 - + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp : 200.000.000.000 VND
 - + Thực tế sử dụng : 225.478.192.864 VND
 - (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 200.000.000.000 VND, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 25.478.192.864 VND)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1702~~/CV-MBG

(V/v: BCTC hợp nhất 2022 đã kiểm toán và
giải trình chênh lệch lợi nhuận)

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Mã chứng khoán: **MBG**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.36447655

Người thực hiện công bố thông tin: **Đặng Thị Tuyết Lan**

Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.36447655

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán biến động tăng hơn 10 % so với năm 2021. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2021: **82.021.119.566** đồng.

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2022: **100.427.879.124** đồng.

Chênh lệch tăng 18.406.759.558 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 22,44% so với năm trước nguyên nhân do:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.218.963.708.617	883.491.095.448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.218.963.708.617	883.491.095.448



4. Giá vốn hàng bán	1.091.653.033.282	782.651.995.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.310.675.335	100.839.099.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.316.515.045	9.164.687.887
7. Chi phí tài chính	1.903.387.152	783.785.982
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.903.387.152	783.785.982
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	159.235.289	
9. Chi phí bán hàng	679.347.627	1.028.975.846
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.413.914.897	5.400.856.052
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.789.775.993	102.790.169.477
12. Thu nhập khác		3
13. Chi phí khác	135.743.014	80.060.772
14. Lợi nhuận khác	(135.743.014)	(80.060.769)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.654.032.979	102.710.108.708
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.226.153.855	20.688.989.142
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.427.879.124	82.021.119.566
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.019	1.122

- Doanh thu bán hàng năm 2022 tăng so với năm 2021 là: 335.472.613.169 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 37,97%. Do doanh nghiệp ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế đem lại doanh thu cao hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Giá vốn năm 2022 tăng so với năm 2021 là: 309.001.037.304 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 39,48 % so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 tăng so với năm 2021 là: 3.151.827.158 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 34,39% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí hoạt động tài chính năm 2022 tăng so với năm 2021 là: 1.119.601.170 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 142,85% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của công ty.

Các thông tin trên đã được Chúng tôi đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/03/2023 tại trang web: <http://www.mbg.vn./co-dong/Cong-bo-thong-tin/>

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Huy Thành

